

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HK1

Câu 1. Đánh giá công nghệ là những nhận định, phán đoán đểvới tiêu chí đề ra.

- A. Đối chiếu B. Đề xuất C. Quyết định D. Lựa chọn

Câu 2. Mục đích của đánh giá công nghệ là để:

- A. Sản xuất B. Lựa chọn C. Biết được mặt tích cực D. Biết được mặt tiêu cực

Câu 3. Tiêu chí đánh giá công nghệ thường sử dụng các tiêu chí sau:

- A. Tính hiệu quả, độ tin cậy, tính xã hội, sự tác động đến môi trường.
B. Tính hiệu quả, độ tin cậy, tính kinh tế, sự tác động đến môi trường.
C. Tính hiệu quả, độ an toàn, tính kinh tế, sự tác động đến môi trường.
D. Tính hiệu quả, độ tin cậy, tính kinh tế, sự tác động đến con người

Câu 4. Đánh giá công nghệ còn phải kể đến tiêu chí:

- A. Đầu vào của máy móc C. Đầu ra của sản phẩm
B. Đầu ra của máy móc D. Nguyên liệu đầu vào

Câu 5. Tiêu chí về môi trường đánh giá sự tác động tới môi trường:

- A. Nước của ao, hồ C. Không khí và nước
B. Đất, nước, không khí D. Tất cả các môi trường

Câu 6: Chọn câu khẳng định đúng:

- A. Tiêu chí đánh giá sản phẩm công nghệ cũng giống như tiêu chí đánh giá công nghệ.
B. Tiêu chí đánh giá sản phẩm công nghệ cao hơn tiêu chí đánh giá công nghệ.
C. Tiêu chí đánh giá sản phẩm công nghệ thấp hơn tiêu chí đánh giá công nghệ.
D. Tiêu chí đánh giá sản phẩm công nghệ khác tiêu chí đánh giá công nghệ.

BÀI 6: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Câu 7: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là:

- A. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt B. Công nghệ thông tin và tự động hóa
C. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa D. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 8: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là:

- A. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt B. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa
C. Công nghệ thông tin và tự động hóa D. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 9: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là:

- A. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa B. Công nghệ thông tin và tự động hóa
C. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt D. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo

Câu 10: Đặc trưng cho cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là:

- A. Công nghệ thông tin và tự động hóa B. Công nghệ số và trí tuệ nhân tạo
C. Động cơ hơi nước và cơ giới hóa D. Năng lượng điện và sản xuất hàng loạt

Câu 11: Lịch sử loài người đã trải qua mấy cuộc cách mạng công nghiệp?

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 12: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là:

- A. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, ... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.
B. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet

C. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.

D. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Câu 13: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai là:

A. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.

B. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

C. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet.

D. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, ... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.

Câu 14: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là:

A. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học,...với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.

B. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

C. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.

D. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet

Câu 15: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là:

A. Gắn liền với ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

B. Sự xuất hiện của máy tính, công nghệ thông tin và mạng truyền thông Internet

C. Sự thay đổi từ sản xuất đơn lẻ sang sản xuất hàng loạt bằng máy móc chạy bằng năng lượng điện.

D. Cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học,... với nền tảng là sự đột phá của công nghệ số.

BÀI 7: NGÀNH NGHỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Câu 16: Khái niệm ngành nghề kỹ thuật, công nghệ:

A. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

B. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.

C. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học.

D. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực cơ khí.

Câu 17: Hiện nay, người lao động được đào tạo có sự thay đổi về mặt nào?

A. Tăng về số lượng và chất lượng

B. Tăng về số lượng

C. Tăng về chất lượng

D. Không có sự thay đổi

Câu 18: Nhu cầu lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ hiện nay ra sao?

A. Ổn định

B. Ngày càng lớn

C. Ngày càng giảm

D. Không xác định

Câu 19: Căn cứ đầu tiên để lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ là:

A. Xem xét triển vọng nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

- B. Xem xét các yêu cầu của thị trường lao động.
- C. Xem xét khả năng và kết quả học tập ở các môn.
- D. Xác định vị trí việc làm trong tương lai phù hợp với khả năng.

Câu 20: Khái niệm nghề thuộc ngành điện, điện tử và viễn thông:

- A. Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lí của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành hệ thống điện, điện tử và viễn thông.
- B. Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lí của toán học và khoa học để thiết kế, phát triển và đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí.
- C. Sử dụng trong các hệ thống chế tạo và lắp ráp chuyên dụng.
- D. Là nhóm ngành đào tạo tập trung vào việc áp dụng các nguyên lí của toán học và khoa học để thiết kế, chế tạo và đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị điện.

Câu 21: Người lao động thuộc ngành cơ khí là:

- A. Người trực tiếp tham gia thiết kế, lắp ráp, phân tích, đánh giá, vận hành, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, đề xuất sáng kiến, ý tưởng giải pháp cải tiến công nghệ, trang thiết bị máy móc,... thuộc cơ khí.
- B. Người có khả năng thiết kế, xây dựng, vận hành, sử dụng, bảo trì hệ thống điện, điện tử và thiết bị viễn thông.
- C. Họ có thể tiếp cận, khai thác các sản phẩm, giải pháp kĩ thuật, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực điện, điện tử và viễn thông.
- D. Họ có thể tiếp cận, khai thác các sản phẩm cơ khí

CHƯƠNG 2: VẼ KỸ THUẬT

BÀI 8: BẢN VẼ KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KỸ THUẬT

Câu 22: Khái niệm bản vẽ kĩ thuật:

- A. Là tài liệu kĩ thuật được trình bày dưới dạng hình vẽ, diễn tả hình dạng, kết cấu, các thông tin về kích thước, vật liệu, yêu cầu kĩ thuật, ... của sản phẩm.
- B. Là ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.
- C. Là tài liệu cần thiết khi bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm.
- D. . Là tài liệu cho ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp.

Câu 23: Vai trò của bản vẽ kĩ thuật được thể hiện trong:

- A. Sản xuất. B. Đời sống. C. Đời sống và sản xuất D. Đời sống.và xã hội

Câu 24: Trong sản xuất, bản vẽ kĩ thuật là phương tiện thông tin có vai trò:

- A. Thể hiện ý tưởng của nhà thiết kế.
- B. Là tài liệu kĩ thuật để tiến hành chế tạo, thi công.
- C. Là cơ sở để kiểm tra, đánh giá sản phẩm.
- D. Là hướng dẫn sử dụng thiết bị.

Câu 25: Bản vẽ kĩ thuật phải được vẽ theo các quy tắc thống nhất quy định trong:

- A. Các tiêu chuẩn về bản vẽ của quốc gia hoặc quốc tế.
- B. Hợp đồng giữa người mua và bán.

- C. Các tiêu chí sản phẩm
- D. Các tiêu chí công nghệ

Câu 26: Kí hiệu của tiêu chuẩn quốc tế:

- A. TCVN.
- B. ISO.
- C. TCQT.
- D. Không có kí hiệu cụ thể.

Câu 27: Mỗi bản vẽ đều có:

- A. Khung vẽ.
- B. Khung tên.
- C. Khung tên, khung vẽ
- D. Khung tên, khung hình

Câu 28: Nội dung và vị trí đặt của khung tên:

- A. Ghi các nội dung về yêu cầu kĩ thuật của bản vẽ, đặt ở góc phải phía dưới khung vẽ.
- B. Ghi các nội dung về yêu cầu kĩ thuật quản lí bản vẽ, đặt ở góc trái phía dưới bản vẽ.
- C. Ghi các nội dung về quản lí yêu cầu kĩ thuật bản vẽ, đặt ở vị trí tùy ý.
- D. Ghi các yêu cầu kĩ thuật đối với chi tiết sản xuất và được đặt trong khung vẽ.

Câu 29: Khái niệm tỉ lệ của bản vẽ kĩ thuật:

- A. Là tỉ số giữa kích thước dài đo trên bản vẽ vật thể và kích thước thực tế trên vật thể.
- B. Là tỉ số kích thước dài đo trên bản vẽ vật thể.
- C. Là tỉ số kích thước thực tế trên vật thể đó.
- D. Không quy định cụ thể.

Câu 30: Có mấy loại tỉ lệ của bản vẽ kĩ thuật”

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 31: Nếu trên bản vẽ không ghi đơn vị đo kích thước dài và sai lệch giới hạn thì đơn vị đo được tính là::

- A. Milimet.
- B. Deximet.
- C. Mét.
- D. Centimet.

Câu 32: Cho kích thước khổ giấy A4(297x210) vậy kích thước khổ giấy A3 là ?

- A. A3(594x210).
- B. A3(297x420)
- C. A3(594x420).
- D. A3(420x594)

Câu 33: Nét liền đậm thể hiện:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy.
- B. Đường kích thước.
- C. Đường gióng.
- D. Đường gạch trên mặt cắt.

Câu 34: Nét đứt mảnh thể hiện:

- A. Đường giới hạn hình.
- B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
- C. Đường tâm, đường trục.
- D. Đường kích thước.

BÀI 9: HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

Câu 35: Khái niệm phương pháp hình chiếu vuông góc:

- A. Là tài liệu kĩ thuật được trình bày dưới dạng hình vẽ, diễn tả hình dạng, kết cấu, các thông tin về kích thước, vật liệu, yêu cầu kĩ thuật,... của sản phẩm.
- B. Là phương pháp biểu diễn các hình chiếu vuông góc của sản phẩm ở trên cùng một mặt phẳng (bản vẽ).
- C. Là tài liệu cần thiết khi bảo dưỡng, sửa chữa sản phẩm.
- D. Là tài liệu cần thiết khi tiến hành lắp ráp hoàn thiện sản phẩm

Câu 36: Có mấy loại hình chiếu vuông góc?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 37: Có bao nhiêu phương pháp chiếu?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 38: Việt Nam thường sử dụng phương pháp góc chiếu nào?

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất. B. Phương pháp góc chiếu thứ hai.
C. Phương pháp góc chiếu thứ ba. D. Phương pháp góc chiếu thứ bốn.

Câu 39: Quy định trên bản vẽ hình chiếu vuông góc:

- A. Số lượng các hình chiếu phải nhiều để thể hiện hình dạng của vật thể cho rõ.
B. Đường bao khuất, cạnh khuất được vẽ bằng nét liền mảnh.
C. Vẽ đường trục cho các vật thể đối xứng, đường tâm cho đường tròn bằng nét gạch dài-chấm-mảnh.
D. Vẽ đường trục cho các vật thể đối xứng, vẽ đường tâm cho đường tròn bằng nét gạch gạch mảnh.(nét đứt)

Câu 40: Các kích thước của vật thể được ghi trên hình biểu diễn cần đảm bảo:

- A. Dễ nhìn nhất có thể thiếu cũng được
B. Gây nhầm lẫn cho người đọc bản vẽ càng nhiều càng tốt
C. Phải ghi tập trung trên một hoặc hai hình biểu diễn.
D. Ghi đúng và đủ các kích thước thể hiện trên cả 3 hình chiếu.

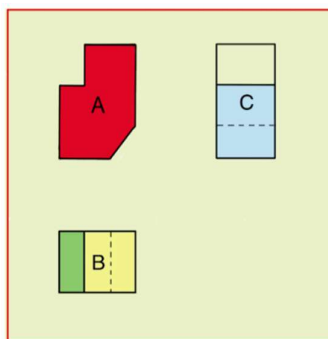
Câu 41: Trong phương pháp góc chiếu thứ nhất, ta xoay mặt phẳng hình chiếu bằng xuống dưới một góc bao nhiêu độ để đưa các mặt phẳng về một mặt phẳng biểu diễn?

- A. 90° . B. 35° . C. 30° . D. 60° .

Câu 42: Một số nước châu Mỹ và Nhật Bản sử dụng phương pháp chiếu:

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất. B. Phương pháp góc chiếu thứ ba.
C. Phương pháp góc chiếu thứ hai D. Phương pháp góc chiếu thứ tư

Em hãy quan sát hình vẽ và cho biết (câu 1 - 3):



Câu 43: Hình chiếu vẽ tại vị trí A được gọi là gì?

- A. Hình chiếu đứng. B. Hình chiếu bằng.
C. Hình chiếu cạnh. D. Đáp án khác.

Câu 44: Hình chiếu vẽ tại vị trí B được gọi là gì?

- A. Hình chiếu cạnh. B. Hình chiếu đứng.
C. Hình chiếu bằng D. Đáp án khác.

Câu 45: Hình chiếu vẽ tại vị trí C được gọi là gì?

- A. Hình chiếu đứng. B. Hình chiếu cạnh.
C. Hình chiếu bằng. D. Đáp án khác.

Câu 46: Hình chiếu được nhìn từ trước gọi là hình chiếu gì?

- A. Hình chiếu đứng.
- B. Hình chiếu bằng.
- C. Hình chiếu cạnh.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 47: Hình chiếu được nhìn từ trên được gọi là:

- A. Hình chiếu đứng.
- B. Hình chiếu cạnh.
- C. Hình chiếu bằng.
- D. Đáp án khác.

Câu 48: Hình chiếu được nhìn từ trái được gọi là:

- A. Hình chiếu cạnh.
- B. Hình chiếu đứng.
- C. Hình chiếu bằng.
- D. Đáp án khác.

Câu 49: Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Phương pháp hình chiếu vuông góc (HCVG) là phương pháp các hình chiếu vuông góc trên cùng một Các HCVG là hình biểu diễn, do vậy để thể hiện được đầy đủ hình dạng của vật thể, trên bản vẽ kĩ thuật thường sử dụng nhiều hình chiếu.

- A. biểu diễn / mặt phẳng / hai chiều.
- B. mặt phẳng / hai chiều / biểu diễn.
- C. biểu diễn / hai chiều / mặt phẳng.
- D. mặt phẳng / biểu diễn / hai chiều.

Câu 50: Đường gióng là đường:

- A. Được vẽ bằng nét liền mảnh, vượt quá đường kích thước từ 2 mm đến 4 mm.
- B. Được vẽ bằng nét liền đậm, vượt quá đường kích thước từ 2 mm đến 4 mm.
- C. Phải vẽ vuông góc với đường kích thước.
- D. Được vẽ bằng nét liền mảnh, vượt quá đường kích thước từ 20 mm đến 40 mm.

Phần 2: Lựa chọn đáp án đúng sai

Câu 1: Vai trò của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?

- A. Làm tăng năng suất lao động dẫn tới tăng sản lượng hàng hóa
- B. Tăng số lượng máy móc tự động hóa dẫn tới làm tăng năng suất lao động
- C. Thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp
- D. Thúc đẩy sự phát triển CNTT đặc biệt là internet trong các ngành công nghiệp

Câu 2: Vai trò của ngành nghề kĩ thuật, công nghệ:

- A. Trực tiếp tạo ra của cải, phát triển kinh tế. Tạo ra các dịch vụ phục vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- B. Gián tiếp tạo ra của cải, Tạo ra các dịch vụ phục vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- C. Phục vụ nghiên cứu, liên tục cải tiến sản phẩm, đem lại cho con người một cuộc sống ngày càng văn minh, hiện đại.
- D. Trực tiếp tạo ra của cải, phát triển kinh tế. Không liên quan đến các dịch vụ phục vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 3: Hiện nay, trình độ lao động của nước ta:

- A. Đã đáp ứng được yêu cầu lao động trong nước và ngoài nước
- B. Đã đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu lao động sang các nước phát triển
- C. Đã đáp ứng được một phần trong yêu cầu lao động trong nước

D. Ngày càng được nâng cao, và từng bước tiếp cận công nghệ mới

Câu 4: Khái niệm nghề thuộc ngành cơ khí:

A. Là nghề có thể thiết kế, phát triển, đánh giá vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí.

B. Là nghề chỉ có thể thiết kế vận hành các hệ thống thiết bị cơ khí.

C. Được sử dụng trong các hệ thống chế tạo và lắp ráp chuyên dụng.

D. Là nghề luôn không trực tiếp thiết kế và phát triển các hệ thống thiết bị cơ khí.

Câu 5: Xác định yêu cầu cần đáp ứng đối với vị trí việc làm kỹ sư?

A. Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong thiết kế và sản xuất.

B. Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong thiết kế là đủ.

C. Làm việc tích cực, năng động, sáng tạo độc lập mà không cần làm theo nhóm

D. Làm việc tích cực, năng động, sáng tạo một cách độc lập hoặc theo nhóm

Câu 6: Quy định về đường kích thước:

A. Vẽ bằng nét liền mảnh.

B. Phải được vẽ vuông góc với đường kích thước được ghi, Vẽ bằng nét liền mảnh.

C. Ở đầu mút đường kích thước thường có vẽ mũi tên hoặc gạch chéo

D. Không quy định cụ thể mà vẽ cho đẹp là được.

Câu 7: Mối liên hệ giữa các hình chiếu vuông góc là:

A: Chiều cao của hình chiếu đứng bằng chiều cao của hình chiếu bằng.

B. Chiều cao của hình chiếu đứng bằng chiều cao của hình chiếu cạnh.

C. Chiều cao của hình chiếu cạnh bằng chiều cao của hình chiếu bằng.

D. Kích thước của ba hình chiếu vuông góc có mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau.

Câu 8: Công dụng của nét gạch – chấm là:

A. Dùng để vẽ đường tâm của đường tròn

B. Dùng để vẽ đường trục đối xứng

C. Dùng để vẽ đường tròn bao bên ngoài

D. Dùng để vẽ đường kích thước và đường bao thấy.